

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2024/DS-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đê.

2. Bà Hồ Thị Hoa.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Trúc Thu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2024/TLST-DS ngày 24/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 126/2024/QĐXXST-DS ngày 06/9/2024, giữa các đương sự:

1- **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị D, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

2- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Vắng mặt không lý do.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày: Bà L có tham gia chơi hui do bà D làm chủ hui. Bà L còn nợ tiền các dây hui, cụ thể như sau:

+ Dây thứ nhất mở ngày 06/02/2021 âm lịch, giá 2.000.000 đồng/tháng, có 30 người tham gia; bà L tham gia 01 phần, hốt vào ngày 06/3/2021; bà L đóng hội chết đến ngày 06/12/2022 thì ngưng đóng, bà D tròng cho bà L từ ngày 06/12/2022 đến mãn hội ngày 06/9/2023 âm lịch là 19 lần số tiền 38.000.000 đồng.

+ Dây thứ hai mở ngày 30/8/2020 âm lịch, giá 2.000.000 đồng/tháng, có 32 người tham gia; bà L tham gia 01 phần, hốt vào ngày 30/9/2020; bà L đóng hội chết đến ngày 30/7/2021 thì ngưng đóng, bà D tròng cho bà L từ ngày 30/8/2021 đến mãn hội ngày 30/3/2023 âm lịch là 20 lần số tiền 40.000.000 đồng.

+ Dây thứ ba mở ngày 15/5/2020 âm lịch, giá 2.000.000 đồng/tháng, có 30 người tham gia; bà L tham gia 01 phần, hốt vào ngày 15/6/2020; bà L đóng hội chết đến ngày 15/02/2021 thì ngưng đóng, bà D tròng cho bà L từ ngày 15/3/2021 đến mãn hội ngày 15/10/2023 âm lịch là 20 lần số tiền 40.000.000 đồng.

Tổng số tiền 03 phần hội bà L còn nợ là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Bà D yêu cầu buộc bà L phải trả số tiền hội còn nợ trên, không yêu cầu trả lãi.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà D yêu cầu bị đơn bà L trả số tiền hội còn nợ là 100.000.000 đồng.

[2]- *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày*: Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 05/7/2024 bà L trình bày có tham gia chơi hội do bà D làm chủ, tổng cộng 04 phần hội, có bao nhiêu người tham gia không nhớ rõ. Bà L đã hốt hết 04 phần, khi hốt hội bà D không làm biên nhận, không nhớ hốt được bao nhiêu tiền. Đến đầu năm 2024 bà D có nói bà L còn nợ tiền hội 108.000.000 đồng. Từ tháng 01/2024 âm lịch đến tháng 05/2024 âm lịch bà L có trả cho bà D mỗi tháng 2.000.000 đồng, tổng số tiền là 8.000.000 đồng, trả qua hình thức chuyển khoản. Về 03 biên nhận ngày 22/6/2020, ngày 08/10/2020 và ngày 12/3/2021 là do bà L ký tên và bà L có đóng lại hội chết mỗi chung là 10.000.000 đồng. Nay bà D yêu cầu phải trả số tiền hội còn thiếu là 100.000.000 đồng bà L không thống nhất vì đã trả cho bà D nhiều lần không thể nào còn nợ số tiền như bà D yêu cầu.

[3]- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến*: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện

đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà D buộc bà L trả cho bà D số tiền hui còn nợ 100.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà D và bà L có hợp đồng góp hui, nay có tranh chấp yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự đều xác định không thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý miễn phí.

Bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhưng đều vắng mặt nên vụ án không hòa giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng bà L đều vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2] Bà D khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền của 03 dây hui là 100.000.000 đồng. Bà D khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ là 03 biên nhận giao tiền hui cho bà L khi hót hui. Bà L thừa nhận có tham gia chơi hui, có hót hui, thừa nhận 03 biên nhận bà D cung cấp là do bà L ký, đây là tình tiết, sự kiện các đương sự thừa nhận, bà D không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà L cho rằng đã đóng hui chết cho bà D nhiều lần, không thể nào còn nợ tới số tiền 100.000.000 đồng nên không đồng ý trả số nợ theo yêu cầu của bà D.

Tại biên bản ghi lời khai, bà L có trình bày đầu năm 2024 bà D có thông báo cho bà biết số tiền hui bà còn nợ là 108.000.000 đồng, bà có chuyển khoản trả cho bà D 8.000.0000 đồng. Như vậy bà L mặc nhiên đã thừa nhận và xác định khoản nợ còn lại vào đầu năm 2024 là 108.000.000 đồng, bà L trả được 8.000.000 đồng còn lại 100.000.000 đồng là trùng khớp với yêu cầu của bà D.

Bà L cho rằng sau khi hót hui đã đóng cho bà D nhiều lần, không thể còn nợ như yêu cầu của bà D. Tuy nhiên, bà L trình bày nhưng không cung cấp được tài

liệu, chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình là đã đóng hui chết nhiều lần. Hơn nữa, bà L tham gia chơi hui, có thừa nhận hốt hui nhưng không biết chơi hui bao nhiêu người, gồm những ai, chỉ trình bày đóng hui chết nhiều chứ không biết cụ thể bao nhiêu, không có sổ sách ghi chép theo dõi đối chiếu nợ nên lời trình bày của bà L không đủ cơ sở để chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng bà D khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ. Bà L trình bày đã đóng hui chết nhiều lần nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên phải buộc bà L trả nợ theo yêu cầu của bà D.

[5] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà L phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thi hành là $100.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 5.000.000$ đồng.

Hoàn trả cho bà D tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 16, 17, 24, 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về “*họ, hui, biểu, phường*”; Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Lâm Thị D đối với bà Nguyễn Thị Thúy L. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L trả cho bà Lâm Thị D số tiền hui là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468

của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L phải chịu án phí sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Hoàn trả cho bà Lâm Thị D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005051 ngày 24/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận